

Mỹ Hào, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Số: 04/2025/QĐST- LĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Oanh

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Luật - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST - VDS ngày 03/4/2025 về việc: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2025/QĐST - VDS ngày 14/4/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

- Chị Ngô Thị M1; sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

- Công ty TNHH D

Địa chỉ trụ sở: Phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện: Ông Kim Jin S - Giám đốc điều hành (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Cán bộ hành chính nhân sự (vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh H

Trụ sở: Số D đường N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Xuân H1 - Phó Giám đốc quản lý, điều hành Bảo hiểm xã hội thị xã M (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Ngô Thị M1 có mượn hồ sơ của chị M để ký hợp đồng với Công ty D (trụ sở: Phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) từ **tháng 10/2009 đến tháng 10/2012, số sổ bảo hiểm 3310012665** và được Công ty TNHH D ký hợp đồng và đóng bảo hiểm mang tên chị M. Việc chị M1 mượn hồ sơ để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D **chị không biết do chị M1 không thông báo**. Thời điểm chị M1 làm tại Công ty TNHH D thì chị M đang làm việc tại Công ty TNHH M2, số sổ bảo hiểm 03310000804. Chị M đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào tuyên bố:

- Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH D và chị Nguyễn Thị M (do chị M1 mượn hồ sơ của chị M) là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng.

- Về số tiền giải quyết chế độ thất nghiệp là 3.000.000 đồng chị nhận đối với sổ bảo hiểm số **3310012665**, chị đã chi tiêu hết và nhất trí hoàn trả số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Về vấn đề số tiền thoái thu bảo hiểm thời gian đóng trùng theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội, chị nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu cho Công ty TNHH D theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D trình bày: Công ty có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 (Địa chỉ: xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên). Do lao động nghỉ việc đã lâu nên công ty không còn lưu giữ hồ sơ của chị M cũng như hợp đồng lao động. Công ty đã đóng bảo hiểm cho chị M theo đúng pháp luật, số sổ bảo hiểm 3310012665. Công ty không biết chị M1 mượn hồ sơ của chị M để ký hợp đồng lao động với công ty; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tòa án đưa vụ việc ra giải quyết, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh H trình bày: Qua rà soát dữ liệu về khai báo đóng bảo hiểm xã hội, nhận thấy chị M tham gia bảo hiểm bằng hai mã số bảo hiểm là 3310012665 và 03310000804. Theo đó thời gian chị M có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng **10/2009 đến tháng 10/2012**. Để đảm bảo quyền lợi của người lao động, đảm bảo việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, Bảo hiểm xã hội tỉnh H đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào:

- Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH D và chị M (do chị M1 mượn hồ sơ của chị M có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ **10/2009 đến tháng 10/2012** ở số sổ 3310012665) là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng.

- Thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội thời gian đóng trùng là từ tháng **10/2009 đến tháng 10/2012** ở số sổ 3310012665 tại Công ty TNHH D. Số tiền này thoái thu theo quy trình thoái thu của C sẽ hoàn trả số tiền thoái thu 10.372.700 đồng cho Công ty TNHH D.

- Đối với sổ bảo hiểm 3310012665 chị M đã thanh toán chế độ bảo hiểm thất nghiệp sai chị M phải hoàn trả số tiền đã hưởng, đề nghị Tòa án liên hệ với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh H để trao đổi nội dung thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp đã hưởng sai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị M1 trình bày: Chị xác định do không hiểu biết pháp luật nên chị đã mượn hồ sơ của chị M để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D địa chỉ phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên theo như trình bày của chị M là đúng. Khi đó chị M không biết và chị cũng không nói gì cho công ty biết. Thời gian chị làm việc tại công ty tháng 10/2009 đến tháng 10/2012 có sổ sổ bảo hiểm là 3310012665 mang tên chị M. Cũng trong khoảng thời gian này chị M đang làm tại công ty khác và có sổ sổ bảo hiểm khác. Do thời gian đã lâu nên hợp đồng lao động giữa chị (đứng tên là chị M) và Công ty TNHH D hiện nay đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị nhất trí quan điểm của chị M, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH D và chị M (do chị M1 ký) là vô hiệu theo quy định của pháp luật. Thoái thu bảo hiểm xã hội thời gian đóng trùng theo tính toán của Bảo hiểm xã hội, chị nhất trí số tiền thoái thu theo tính toán của cơ quan bảo hiểm.

- Đối với số tiền giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp chị M nhận từ sổ bảo hiểm 3310012665 theo chị được biết là 3.000.000 đồng và chị M đã chi tiêu hết; chị không sử dụng số tiền trên nên chị nhất trí quan điểm của chị M hoàn trả số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội.

Tòa án tiến hành xác minh tại Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh H xác định: Ngày 26/12/2012 Sở L ban hành quyết định số 3431/QĐ - LĐTBXH về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp cho chị M với số tháng hưởng là 06 tháng từ ngày 12/12/2012 đến ngày 11/6/2013, mức hưởng 1.170.000 đồng/tháng. Trong quá trình hưởng bảo hiểm thất nghiệp, ngày 12/5/2013 chị M không đến khai báo về việc tìm kiếm việc làm nên đã bị Sở L ra quyết định số 1138/QĐ - LĐTBXH tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày 12/5/2013.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị M. Đề nghị Toà án tuyên Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH D (do chị M1 ký) là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hòa tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và thoái thu bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Tháng 10/2009 người lao động và Công ty TNHH D đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở công ty tại phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hòa theo điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh H, đại diện của Công ty TNHH D, chị M, chị M1 có đơn xin vắng mặt, Tòa án giải quyết vắng mặt là đúng quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu của chị M đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH D và chị M (do chị M1 lấy hồ sơ của chị M để ký hợp đồng) là vô hiệu thì thấy: Việc chị M1 lấy hồ sơ tên chị M để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D là giả mạo khi giao kết hợp đồng, nên đề nghị của chị M là phù hợp pháp luật. Sau đó Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị M1 (mượn tên chị M), các đương sự đều thống nhất hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm xã hội trên cho Công ty TNHH D. Vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội theo tính toán của cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh H là 10.372.700 đồng (của sổ bảo hiểm số 3310012665) và hoàn trả số tiền này cho Công ty TNHH D theo quy trình thoái thu của B.

Đối với việc chị M đã làm hồ sơ giải quyết thanh toán bảo hiểm thất nghiệp của sổ bảo hiểm 3310012665; chị M, chị M1 xác định số tiền chị M đã nhận 3.000.000 đồng và chi tiêu hết đồng thời chị M sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội. Tại biên bản xác minh, Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh H xác định số tiền chị M nhận bảo hiểm thất nghiệp của sổ bảo hiểm 3310012665 là 05 tháng, mỗi tháng chị M nhận là 1.170.000 đồng (tổng 05 tháng là 5.850.000 đồng) nên việc chị M và chị M1 khai nhận chị M chỉ được nhận 3.000.000 đồng bảo hiểm thất nghiệp là không đúng. Căn cứ tài liệu do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định số tiền chị M nhận trợ cấp thất nghiệp 05 tháng là 5.850.000 đồng, bản thân chị M xác định là người nhận và sử dụng số tiền nhận trợ cấp thất nghiệp, chị M1 không nhận và sử dụng số tiền trên nên chị M phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về lệ phí: Chị M phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị M

Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH D với người lao động chị Nguyễn Thị M (do chị Ngô Thị M1 ký hợp đồng) là vô hiệu toàn bộ.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội có sổ số 3310012665 tại Công ty TNHH D là 10.372.700 đồng (Mười triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH D số tiền thoái thu bảo hiểm là 10.372.700 đồng (Mười triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm đồng) theo quy trình thoái thu của B.

Chị Nguyễn Thị M phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên: Số tiền hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp đối với sổ bảo hiểm xã hội số 3310012665 theo Quyết định số 3431/QĐ - LĐTBXH ngày 26/12/2012 Sở L là 5.850.000 đồng (Năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0003575 ngày 03/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào. Chị M đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định đó được thông báo, niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết việc dân sự theo thủ tục phúc thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THA dân sự thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNVTHA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thị Oanh

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THA dân sự thị xã M;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị O